

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CON CUÔNG  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/6/2020

V/v Tranh chấp quan hệ hôn  
nhân và gia đình

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CON CUÔNG - TỈNH NGHỆ AN**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lữ Thị Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Khắc Hùng.

2. Ông Nguyễn Thanh Yên.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp quan hệ hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXX-ST ngày 12/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị V, sinh năm 1984. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Bản S, xã D, huyện C, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Th, sinh năm 1977. Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh N.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 28/02/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị V trình bày: Chị và anh Phan Văn Th kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh N vào ngày 03/12/2007. Việc kết hôn là do anh chị tự nguyện không có ai ép buộc. Sau khi kết hôn chị V và anh Th sống với nhau hạnh phúc được khoảng 03 năm, đến cuối năm 2009 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th ham chơi cơ bạc, thường xuyên uống rượu không chịu tu chí làm ăn để chăm lo cho gia đình. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra

cãi vã, xung đột, thậm chí có lần anh Th còn đánh đập chị. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không được. Chị V và anh Th không còn sống chung cùng nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị V và anh Th có 01 người con chung tên là Phan Thị Phương T, sinh ngày 11/10/2008. Hiện nay cháu T đang sống cùng với chị V tại bản S, xã D, huyện C, tỉnh N. Nếu ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay chị V và anh Th không nợ tổ chức, cá nhân nào và cũng không ai nợ anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Phan Văn Th tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Con Cuông phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Phan Văn Th; về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 16/10/2008 cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T trưởng thành; về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét; về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về quan hệ hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện cư trú tại thôn T, xã Y, huyện C, tỉnh N nên Tòa án nhân dân huyện Con Cuông thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, qua xác minh tại Công

an xã Y, huyện C cho thấy anh Th có hộ khẩu thường trú trên địa bàn xã Y nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu cũng không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương biết nên không biết địa chỉ hiện nay của anh Th ở đâu. Như vậy, bị đơn đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Văn Th đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp tại UBND xã Y, huyện C là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chị Vi Thị V kết hôn với anh Phan Văn Th vào ngày 03/12/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh N. Việc kết hôn là tự nguyện, không có ai ép buộc, không vi phạm các quy định về điều kiện và thủ tục kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Th là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị V sống hạnh phúc được 03 năm, đến cuối năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Quá trình vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay chị V và anh Th không còn sống chung với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Như vậy, chị V và anh Th đã vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng.

Tại phiên tòa anh Th vắng mặt không có ý kiến trình bày nhưng qua xác minh tại địa phương cho thấy trong quá trình chung sống giữa chị V và anh Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ năm 2009 cho đến nay chị V không còn sống chung cùng anh Th nữa, mà đã chuyển về nhà mẹ đẻ để sinh sống.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị V và anh Th không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị Vi Thị V được ly hôn với anh Phan Văn Th.

Về con chung: Chị V và anh Th có 01 người con chung là cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 16/10/2008. Hiện cháu T đang sống cùng với chị V nên sau khi ly hôn chị V có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản lấy lời khai cháu Phan Thị Phương T ngày 08/5/2020, cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ đẻ là chị Vi Thị V. Mặt khác, hiện nay anh Th không có mặt ở địa phương, việc giao con cho anh Th nuôi dưỡng là không đảm bảo điều kiện về mọi mặt của con. Xét thấy, nguyện vọng của chị V là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do vậy cần giao cháu Phan Thị Phương T cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phan Văn Th.

Về tài sản chung: Do Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên căn cứ vào khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Vi Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Vi Thị Vân được ly hôn với anh Phan Văn Thọ.

- Về con chung: Giao cháu Phan Thị Phương T, sinh ngày 16/10/2008 cho chị Vi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến cháu Thảo tròn 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phan Văn Th.

Anh Phan Văn Th có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Vi Thị V phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0001532 ngày 05/3/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H. Con Cuông;
- Chi cục THADS H. Con Cuông;
- UBND xã Y;
- Lưu Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lữ Thị Dung**

